

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN NĂM HỌC 2017-2018
PHÂN THEO KHOA NGHỀ

S TT	NGÀNH	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Điện công nghiệp	728	1	148	580	6	0.82	20	2.75	97	13.32	294	40.38	209	28.71	25	3.43	0	0.00	77
	Điện tử công nghiệp	117	1	30	87	0	0.00	4	3.42	13	11.11	43	36.75	41	35.04	6	5.13	0	0.00	10
	CNKT Điện_Điện tử	241	5	62	179	1	0.41	8	3.32	43	17.84	89	36.93	47	19.50	16	6.64	0	0.00	37
	CNKT Cơ điện tử	68	0	14	54	0	0.00	0	0.00	1	1.47	13	19.12	34	50.00	6	8.82	0	0.00	14
	CNKT ĐK Tự động	136	1	40	96	2	1.47	3	2.21	10	7.35	57	41.91	51	37.50	6	4.41	0	0.00	7
	Điện CN&DD	44	0	15	29	0	0.00	0	0.00	8	18.18	21	47.73	11	25.00	0	0.00	0	0.00	4
	Điện công nghiệp	173	1	117	56	0	0.00	2	1.16	15	8.67	39	22.54	64	36.99	21	12.14	1	0.58	31
	Điện tử công nghiệp	96	1	80	16	0	0.00	7	7.29	13	13.54	23	23.96	17	17.71	16	16.67	4	4.17	16
	CNKT Điện_Điện tử	63	1	56	7	0	0.00	0	0.00	2	3.17	6	9.52	34	53.97	10	15.87	0	0.00	11
2	Điện lạnh	236	0	78	158	0	0.00	2	0.85	12	5.08	148	62.71	35	14.83	4	1.69	2	0.85	33
	Kỹ thuật ML&ĐHKK	86	1	23	63	0	0.00	0	0.00	3	3.49	36	41.86	32	37.21	2	2.33	0	0.00	13
	VH - SC thiết bị lạnh	97	0	42	55	0	0.00	0	0.00	4	4.12	44	45.36	25	25.77	6	6.19	0	0.00	18
	CNKT Nhiệt	59	0	20	39	0	0.00	0	0.00	2	3.39	26	44.07	21	35.59	3	5.08	0	0.00	7
	Điện lạnh	5	0	3	2	0	0.00	1	20.00	1	20.00	1	20.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2
	Lắp đặt thiết bị lạnh	155	0	138	17	0	0.00	0	0.00	7	4.52	56	36.13	63	40.65	14	9.03	0	0.00	15
	CNKT Nhiệt	50	0	40	10	0	0.00	0	0.00	4	8.00	8	16.00	27	54.00	3	6.00	0	0.00	8
3	Cơ điện	65	0	13	52	0	0.00	0	0.00	9	13.85	49	75.38	6	9.23	0	0.00	0	0.00	1
	Cơ điện tử	68	1	15	53	0	0.00	2	2.94	10	14.71	35	51.47	12	17.65	6	8.82	0	0.00	3
	KT-BT-SC máy CNC	18	0	10	8	0	0.00	1	5.56	1	5.56	9	50.00	6	33.33	0	0.00	0	0.00	1
	Bảo trì HT - TB - CN	37	0	5	32	0	0.00	0	0.00	2	5.41	14	37.84	16	43.24	0	0.00	0	0.00	5
	Cắt gọt kim loại	15	0	3	12	0	0.00	1	6.67	7	46.67	3	20.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4
	CNKT Cơ khí	482	4	125	357	0	0.00	5	1.04	77	15.98	220	45.64	90	18.67	16	3.32	1	0.21	73
	CN Chế tạo máy	633	2	184	449	1	0.16	10	1.58	38	6.00	211	33.33	264	41.71	43	6.79	1	0.16	65
	Cắt gọt kim loại	85	1	64	21	0	0.00	2	2.35	5	5.88	21	24.71	24	28.24	16	18.82	2	2.35	15
	CNKT Cơ khí	100	0	78	22	0	0.00	0	0.00	3	3.00	20	20.00	48	48.00	10	10.00	0	0.00	19

S TT	NGÀNH	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
4	Công nghệ Ô Tô	1678	8	491	1187	8	0.48	42	2.50	213	12.69	891	53.10	306	18.24	41	2.44	4	0.24	173
	BT & SC Ô Tô	118	0	75	43	0	0.00	3	2.54	22	18.64	39	33.05	15	12.71	13	11.02	0	0.00	26
	Công nghệ Ô Tô	340	0	268	72	0	0.00	2	0.59	24	7.06	99	29.12	116	34.12	26	7.65	6	1.76	67
5	CN May & Thời trang	212	191	41	171	0	0.00	13	6.13	49	23.11	131	61.79	10	4.72	1	0.47	0	0.00	8
	Công nghệ May	100	87	26	74	0	0.00	8	8.00	29	29.00	37	37.00	9	9.00	3	3.00	0	0.00	14
	CN May & Thời trang	79	67	62	17	0	0.00	3	3.80	3	3.80	27	34.18	33	41.77	6	7.59	0	0.00	7
	May thời trang	18	15	13	5	0	0.00	0	0.00	3	16.67	3	16.67	2	11.11	0	0.00	0	0.00	10
6	Công nghệ phần mềm	150	9	51	99	0	0.00	3	2.00	17	11.33	55	36.67	58	38.67	7	4.67	0	0.00	10
	Mạng MT, QT Mạng	219	11	96	123	0	0.00	1	0.46	15	6.85	71	32.42	86	39.27	13	5.94	3	1.37	30
	CN Web, TK Web	127	9	65	62	0	0.00	0	0.00	13	10.24	46	36.22	43	33.86	1	0.79	1	0.79	23
	CNKT Máy tính	75	1	43	32	0	0.00	0	0.00	1	1.33	17	22.67	38	50.67	4	5.33	0	0.00	15
	Lập trình máy tính	85	5	34	51	0	0.00	0	0.00	2	2.35	18	21.18	37	43.53	4	4.71	0	0.00	24
	An ninh mạng	22	0	12	10	0	0.00	1	4.55	2	9.09	7	31.82	7	31.82	2	9.09	0	0.00	3
	Tin học ứng dụng	29	4	10	19	0	0.00	0	0.00	5	17.24	7	24.14	7	24.14	1	3.45	0	0.00	9
	Quản trị MMT	313	23	261	52	0	0.00	3	0.96	23	7.35	80	25.56	93	29.71	41	13.10	6	1.92	67
	Lập trình máy tính	70	8	57	13	0	0.00	0	0.00	3	4.29	10	14.29	23	32.86	14	20.00	0	0.00	20
	Thiết kế trang Web	29	0	27	2	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2	6.90	18	62.07	6	20.69	0	0.00	3
	CNKT phần cứng MT	54	0	46	8	0	0.00	0	0.00	2	3.70	3	5.56	19	35.19	2	3.70	0	0.00	28
	Tin học ứng dụng	77	22	66	11	0	0.00	0	0.00	2	2.60	6	7.79	21	27.27	36	46.75	0	0.00	12
7	Kế toán doanh nghiệp	62	50	32	30	0	0.00	0	0.00	5	8.06	20	32.26	27	43.55	1	1.61	0	0.00	9
	Quản trị doanh nghiệp	104	55	54	50	0	0.00	4	3.85	22	21.15	36	34.62	10	9.62	5	4.81	0	0.00	27
	Kế toán doanh nghiệp	107	90	98	9	0	0.00	5	4.67	18	16.82	18	16.82	30	28.04	11	10.28	0	0.00	25
	Quản trị doanh nghiệp	115	63	89	26	0	0.00	2	1.74	12	10.43	23	20.00	34	29.57	19	16.52	1	0.87	24
8	Tiếng Anh	83	48	28	55	0	0.00	4	4.82	27	32.53	18	21.69	12	14.46	3	3.61	0	0.00	19
	Tiếng Anh	85	44	81	4	0	0.00	1	1.18	11	12.94	34	40.00	23	27.06	4	4.71	0	0.00	12
TỔNG TOÀN TRƯỞNG		8.208	830	3.529	4.679	18	0.22	163	1.99	910	11.09	3.184	38.79	2.254	27.46	493	6.01	32	0.39	1.154

* Ghi chú: Tổng số HSSV = 8.208 HSSV. Trong đó có 1.154 HSSV không xếp loại. Lý do: Nghi học không nộp tờ đánh giá rèn luyện cá nhân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2018

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV



Hoàng Ngọc Cảnh

KI. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh